TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

T ngày 20 tháng 9 năm 2023

Số: 239 /2023/QĐST - HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lýsố: 194 /2023/TLST-HNGĐ ngày 31/7/2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn C; Sinh năm: 1992
Địa chỉ: làng M, xã P, huyện N, T

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1993

Địa chỉ: khu phố L, thị trấn L, huyện T, T

Căn cứ vào và khoản 3,4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải tHnh ngày 12/ 9/2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải tHnh ngày 12/9/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải tHnh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Văn C và chị Nguyễn Thị H
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Lê Văn C và chị Nguyễn Thị H đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn.
- Về con chung : Vợ chồng có 01 con chung, là cháu Lê Nguyễn Tâm A, sinh ngày 31/8/2017, sau khi ly hôn vợ chồng thống nhất giao cháu Lê Nguyễn Tâm A cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1000.000đồng, kể từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

không ai được cản trở.

- Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Hai bên thống nhất thỏa thuận chị Nguyễn Thị H chịu toàn bộ án phí DSST là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con nộp một lần là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0016262 ngày 31/7/2023 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện T. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án, hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hnh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H.T;
- Chi cục Thi Hnh án Dân sự huyện T
- P. Ktra nghiệp vụ vàTHAHSTAND tỉnh T
- UBND thị trấn L, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

CAO HỒNG ĐỨC